

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Mạnh và ông Hà Đình Sở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1982

ĐKKHKT: xóm T, xã X, tỉnh Phú Thọ;

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đình Thị H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Hà Đức T1**, sinh năm 1983;

ĐKKHKT: Xóm M, xã M, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hà Đức T1 ngày 07/4/2021. Việc kết hôn giữa chị và anh là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (cũ), nay là xã M, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 sống chung với gia đình anh T1 tại xóm M, xã M. Quá trình chung sống, chị và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn tới việc vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định, không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 nữa, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, tư trang riêng và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2]. Phía bị đơn anh Hà Đức T1: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt nên không có quan điểm.

[3]. Quan điểm của đại diện gia đình anh Hà Đức T1:

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2026, bà Hà Thị Kim T2 (là mẹ đẻ anh T1) cho biết: Anh T1 và chị T kết hôn năm 2021 được gia đình đồng ý và địa phương đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị ở chung với bà được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó vợ chồng đều đi làm mỗi người một nơi. Anh T1 hiện nay đang đi làm, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 làm ở đâu. Anh T1 vẫn thường xuyên gọi điện, liên lạc về gia đình, thỉnh thoảng có về thăm nhà. Anh T1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú cùng gia đình bà tại xóm M, xã M, tỉnh Phú Thọ. Anh T1 và chị T hiện nay đã sống ly thân, chị T không còn ở cùng gia đình bà nữa. Việc chị T xin ly hôn anh T1 bà không có ý kiến gì; anh chị không có con chung, về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác thì bà không nắm được.

Bà T2 đã nhận được các giấy báo và các văn bản tố tụng của Tòa án giao gửi cho anh T1 và bà đã thông báo cho anh T1 đầy đủ. Anh T1 đã biết việc Tòa án đang giải quyết việc chị T làm đơn xin ly hôn anh T1 nhưng do anh bận đi làm ăn, không về Tòa án làm việc được. Bà T2 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T1, cam kết sẽ thông báo lại cho anh T1 đầy đủ.

Bà T2 còn cung cấp: Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, bà có gọi điện trao đổi với anh T1 qua điện thoại, anh T1 có nói lại quan điểm là anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T, vì công việc bận và ở xa nên anh không về Tòa án được.

[4]. Tài liệu do Tòa án thu thập:

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2026 đại diện xóm M và UBND xã M cung cấp thông tin và có ý kiến như sau: Chị Hà Thị T và anh Hà Đức T1 đăng ký kết hôn ngày 07/4/2021 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã M, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với gia đình anh T1 tại xóm M, xã M. Quá trình chung sống, anh T1 và chị T không hòa thuận, chị T đã không chung sống tại nhà anh T1 được hơn 02 năm. Nay chị T xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T1 hiện nay không thường xuyên có mặt tại địa phương, anh T1 không thông báo tạm vắng. Anh T1 vẫn đăng ký thường trú cùng gia đình bà Hà Thị Kim T2 tại khu M, xã M, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Quan điểm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Hà Thị T kết hôn với anh Hà Đức T1 năm 2021, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (cũ), nay là xã M, tỉnh Phú Thọ. Trong cuộc sống, anh chị đã có nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được và hiện hai người đang sống ly thân. Phía chị T xác định không còn tình cảm với anh T1, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được, vợ chồng ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung; Về tài sản

chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã M, tỉnh Phú Thọ) ngày 07/4/2021, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh T1 không hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không khắc phục, hai bên đã sống ly thân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh T1. Chị T và anh T1 không có con chung. Về quan hệ tài sản chung nguyên đơn không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T được miễn toàn bộ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Đức T1, sinh năm 1983, ĐKKHTT: xóm M, xã M, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1, tuy nhiên anh T1 cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 07/4/2021, chị T và anh T1 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (cũ), nay là xã M, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị T cho rằng vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất đồng quan điểm. Hiện nay hai người đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 nên chị xin ly hôn để giải phóng cho nhau. Phía anh T1, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo nhưng cố tình trốn tránh không đến

Tòa án để trình bày quan điểm.

Để thu thập thông tin về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1, Tòa án đã tiến hành xác minh, làm việc với đại diện xóm M và UBND xã M thấy rằng: Lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn đúng. Đại diện gia đình anh T1 là bà Hà Thị Kim T2 (mẹ đẻ anh T1) cũng xác định anh T1 và chị T chung sống không hòa thuận hạnh phúc, hai bên sống ly thân nhiều năm. Qua bà T2, anh T1 có quan điểm xác nhận tình trạng vợ chồng như chị T trình bày và anh cũng đồng ý ly hôn chị T.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên không hợp tác hòa giải và không có biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1, cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, tư trang riêng và công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 vắng mặt, không trình bày quan điểm. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Khi chị T, anh T1 có tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp và tư trang riêng thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định. Tuy nhiên, chị T có đơn xin miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc: Mường), cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xóm T, xã X). Vì vậy, cần miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho chị T là phù hợp.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T. Cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hà Đức T1.

2. Về con chung: Chị T và anh T1 không có con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, tư trang riêng và công sức đóng góp: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí:* Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn cho chị Hà Thị T.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị T, anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Minh Đài;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hồng Mai